

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**  
*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA  
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 30

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Bà Nguyễn Linh Chi	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Bà Ngô Nguyệt Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2016)

#### Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Số: **199** /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
 Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty ghi nhận giá trị phải thu tiền đền bù từ việc bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 2392/UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015 (Đợt 3) với số tiền 172.119.334.000 VND tương đương 7.702.812 USD và tiền hỗ trợ thuế kho 1.200.000.000 VND tương đương 53.703 USD theo Công văn số 4092/STC-KHNS1 ngày 18 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở các văn bản đã ban hành trước đó của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù.

001120  
 CÔNG TY TNHH ĐẾ  
 ELOT  
 VIỆT NAM  
 G D A P

00  
 NG  
 P  
 JC  
 Đ  
 Đ  
 Đ  
 Đ  
 Đ  
 Đ  
 Đ

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 14 tháng 7 năm 2016, UBND tỉnh Quảng Ninh đã có Văn bản số 4202/UBND-QH1 giải quyết các kiến nghị của Công ty về việc Công ty chưa nhận được kinh phí đền bù đợt 3, theo đó UBND tỉnh đã ban hành văn bản ngày 29 tháng 6 năm 2016 báo cáo xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phương án giá đất cụ thể để tính toán bồi thường. Sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo UBND thành phố Hạ Long thực hiện.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

5/10  
T  
H  
T  
N  
P  
C  
T  
G  
L  
T  
U



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016


**MẪU SỐ B 01a-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)  
 Đơn vị: USD


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.256.645</b>	<b>13.787.700</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.737.873</b>	<b>1.745.303</b>
1. Tiền	111		2.737.873	1.745.303
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.844.533</b>	<b>11.449.690</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.399.645	3.745.742
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		732.341	540.397
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.787.496	7.673.103
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(74.949)	(509.552)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>632.547</b>	<b>580.139</b>
1. Hàng tồn kho	141		667.333	614.925
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.786)	(34.786)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.692</b>	<b>12.568</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		41.692	12.568
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.742.602</b>	<b>46.329.725</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>42.669.437</b>	<b>43.444.145</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	41.525.173	42.186.785
- Nguyên giá	222		52.911.732	52.433.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.386.559)	(10.246.626)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.144.264	1.257.360
- Nguyên giá	228		4.475.361	4.467.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.331.097)	(3.210.390)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.997.119</b>	<b>1.583.626</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.997.119	1.583.626
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>419.411</b>	<b>419.411</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	419.411	419.411
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>656.635</b>	<b>882.543</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		331.353	442.234
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	43.215	130.136
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		282.067	310.173
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>59.999.247</b>	<b>60.117.425</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 01a-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)  
 Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.803.376</b>	<b>12.972.660</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.831.259</b>	<b>7.227.498</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	523.348	927.486
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	589.053	16.802
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	693.945	846.474
4. Phải trả người lao động	314		617.400	606.039
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		17.110	19.688
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	690.054	858.294
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	4.700.349	3.952.715
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.972.117</b>	<b>5.745.162</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	3.157.744	2.648.698
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	2.673.242	2.955.333
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		141.131	141.131
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>46.195.871</b>	<b>47.144.765</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>46.195.871</b>	<b>47.144.765</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.309.870	42.309.870
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ) lũy kế	421		(1.790.494)	(841.600)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(841.600)	(5.508.484)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(948.894)	4.666.884
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>59.999.247</b>	<b>60.117.425</b>

  
**Cao Thị Huyền**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Linh Chi**  
 Kế toán trưởng

  
**Đỗ Trí Mỹ**  
 Tổng Giám đốc


Ngày 12 tháng 8 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 02a-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)  
 Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ hoạt động	Cho kỳ hoạt động
			từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.666.448	7.197.478
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		17.967	12.613
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		17.967	12.613
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	5.648.481	7.184.865
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	4.793.795	4.657.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	21	854.686	2.527.098
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	93.084	265.964
7. Chi phí tài chính	22	24	409.204	441.407
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		368.044	414.903
8. Chi phí bán hàng	25	25	607.331	672.537
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	762.186	1.271.599
10. (Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(830.951)	407.519
11. Thu nhập khác	31		43.790	24.240
12. Chi phí khác	32		74.812	91.276
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(31.022)	(67.036)
14. Tổng(lãi)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(861.973)	340.483
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	86.921	(8.764)
17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(948.894)	349.247
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(0,013)	0,005



Cao Thị Huyền  
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Linh Chi  
 Kế toán trưởng



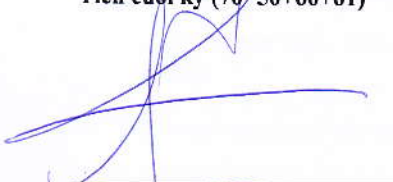
Đỗ Trí Ný  
 Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU SỐ B 03a-DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)  
 Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(861.973)	340.483
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.322.610	1.313.544
Các khoản dự phòng	03	(434.603)	39.840
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	9.987	(160.936)
(Lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05	(12.213)	-
Chi phí lãi vay	06	368.044	414.903
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>391.852</b>	<b>1.947.834</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	991.615	(2.506.971)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(24.302)	93.415
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	296.269	2.100.421
Thay đổi chi phí trả trước	12	81.757	475.099
Tiền lãi vay đã trả	14	(370.488)	(417.016)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(791)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.366.703</b>	<b>1.691.991</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(789.852)	(1.322.105)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.213	4.414.113
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(777.639)</b>	<b>3.092.008</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.026.902	3.829.558
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.609.921)	(5.119.219)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>416.981</b>	<b>(1.289.661)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>1.006.045</b>	<b>3.494.338</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.745.303</b>	<b>1.180.218</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(13.475)	2.548
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>2.737.873</b>	<b>4.677.104</b>

  
 Cao Thị Huyền  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Linh Chi  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Trí Việt  
 Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2016



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.641 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.560 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tị theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

10012  
CÔNG  
CH MIỆ  
IE.O  
VIỆT  
"G SA

10012  
CÔNG  
CH MIỆ  
IE.O  
VIỆT  
"G SA



## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính trả lời tại Công văn số 7554/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 6 năm 2013. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá quy định về lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và xác định rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là phù hợp với quy định hiện hành cũng như cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 03 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay và nợ thuê tài chính.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.



**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:

Thời gian nợ (tháng)	Tỷ lệ dự phòng (%)
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

**Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia**

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

**Loại hàng tồn kho**

Hàng ăn  
Hàng giải khát  
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ  
Vật tư khác

**Phương pháp tính giá**

Nhập trước - Xuất trước  
Bình quân gia quyền  
Giá đích danh  
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Cho kỳ hoạt động</b> <b>từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng*

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đòi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	USD	USD
Tiền mặt	1.084.966	1.625.387
Tiền gửi ngân hàng	1.652.907	119.916
	<u>2.737.873</u>	<u>1.745.303</u>

**6. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	<u>30/6/2016</u>			<u>31/12/2015</u>		
	USD			USD		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	419.411	-	419.411
	<u>419.411</u>	<u>-</u>	<u>419.411</u>	<u>419.411</u>	<u>-</u>	<u>419.411</u>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.



**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	USD	USD
Đại lý Long Bay	890.700	563.303
Đại lý Đại Dương Thành	868.692	651.121
Đại lý Salon	251.651	2.085.693
Khách đoàn Long Bay	170.466	26.146
Đại lý Chúng Phát	103.075	89.625
Các khoản phải thu khách hàng khác	115.061	329.854
	<b><u>2.399.645</u></b>	<b><u>3.745.742</u></b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	USD	USD
Phải thu tiền bồi thường (*)	7.756.515	7.646.350
Phải thu người lao động	23.454	-
Phải thu khác	7.527	26.753
	<b><u>7.787.496</u></b>	<b><u>7.673.103</u></b>

(\*) Thể hiện giá trị phải thu tiền đền bù từ việc bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 2392/UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015 (Đợt 3) với số tiền 172.119.334.000 VND tương đương 7.702.812 USD và tiền hỗ trợ thuê kho 1.200.000.000 VND tương đương 53.703 USD theo Công văn số 4092/STC-KHNS1 ngày 18 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở các văn bản đã ban hành trước đó bao gồm Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù. (Phải thu tiền bồi thường tại 31/12/2015 là 172.119.334.000 VND tương đương 7.646.350 USD).

Tại ngày 14 tháng 7 năm 2016, UBND tỉnh Quảng Ninh đã có văn bản số 4202/UBND-QH1 về việc giải quyết các kiến nghị của Công ty, theo đó về việc Công ty chưa nhận được kinh phí đền bù đợt 3, theo đó UBND tỉnh đã có văn bản ngày 29/6/2016 báo cáo xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phương án giá đất cụ thể để tính toán bồi thường. Sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo UBND thành phố Hạ Long thực hiện.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	USD		USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	446.531	(2.738)	397.298	(2.738)
Hàng hóa	220.802	(32.048)	217.627	(32.048)
	<b><u>667.333</u></b>	<b><u>(34.786)</u></b>	<b><u>614.925</u></b>	<b><u>(34.786)</u></b>



10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	37.800.153	11.410.630	1.087.387	676.282	1.458.959	52.433.411
Tăng do mua sắm	-	20.902	272.816	90.048	-	383.766
Tăng từ XDCB hoàn thành	90.063	-	-	-	66.462	156.525
Thanh lý trong kỳ	-	-	61.970	-	-	61.970
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>37.890.216</b>	<b>11.431.532</b>	<b>1.298.233</b>	<b>766.330</b>	<b>1.525.421</b>	<b>52.911.732</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	4.359.363	4.518.258	493.426	296.804	578.775	10.246.626
Khấu hao trong kỳ	438.219	508.658	48.350	64.402	142.274	1.201.903
Thanh lý trong kỳ	-	-	61.970	-	-	61.970
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>4.797.582</b>	<b>5.026.916</b>	<b>479.806</b>	<b>361.206</b>	<b>721.049</b>	<b>11.386.559</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>33.092.634</b>	<b>6.404.616</b>	<b>818.427</b>	<b>405.124</b>	<b>804.372</b>	<b>41.525.173</b>
Tại ngày 31/12/2015	33.440.790	6.892.372	593.961	379.478	880.184	42.186.785

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 22.633.726 USD (31 tháng 12 năm 2015: 22.645.908 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.662.394 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.650.034 USD).

11. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	USD	USD	USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	4.394.268	73.482	4.467.750
Tăng trong kỳ	-	7.611	7.611
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>4.394.268</b>	<b>81.093</b>	<b>4.475.361</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	3.145.845	64.545	3.210.390
Khấu hao trong kỳ	118.830	1.877	120.707
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>3.264.675</b>	<b>66.422</b>	<b>3.331.097</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>1.129.593</b>	<b>14.671</b>	<b>1.144.264</b>
Tại ngày 31/12/2015	1.248.423	8.937	1.257.360

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 61.715 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 13.215 USD).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong kỳ:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	USD	USD
Tại ngày 01 tháng 01	1.583.626	1.163.591
Tăng trong kỳ	57.001	637.458
Kết chuyển sang tài sản cố định	(156.525)	(11.879)
Giảm khác	513.017	(862.136)
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<b>1.997.119</b>	<b>927.034</b>

Chi tiết số dư:

	30/6/2016	31/12/2015
	USD	USD
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Xây dựng cơ bản	1.729.783	1.500.336
- Sửa chữa	162.685	77.069
- Mua sắm (chi phí thiết kế)	104.651	6.221
	<b>1.997.119</b>	<b>1.583.626</b>
Chi tiết xây dựng cơ bản		
- Khu nhà đa năng	1.182.682	1.086.060
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	459.248	357.985
- Khu văn phòng	87.853	56.291

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Tổng
	USD	USD	USD
Tại ngày 01/01/2016	28.226	101.910	130.136
Ghi nhận trong kỳ	-	(86.921)	(86.921)
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>28.226</b>	<b>14.989</b>	<b>43.215</b>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2016		31/12/2015	
	USD	USD	USD	USD
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Pacific Links	57.161	57.161	56.741	56.741
Doanh nghiệp Tư nhân Hà Việt	46.950	46.950	179.846	179.846
Công ty TNHH Xây dựng Diệu Đức Phước Thành	-	-	234.575	234.575
Phải trả cho các đối tượng khác	419.237	419.237	456.324	456.324
<b>Cộng</b>	<b>523.348</b>	<b>523.348</b>	<b>927.486</b>	<b>927.486</b>



15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	USD	USD
Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (*)	571.120	-
Khác	17.933	16.802
	<b>589.053</b>	<b>16.802</b>

(\*) Giá trị ứng trước cho hợp đồng thuê nhà đa năng - xem thêm tại Thuyết minh số 29 về Cam kết cho thuê hoạt động.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2016
	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	409.425	491.605	(719.883)	181.147
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	22.271	(22.271)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	125.800	701.096	(632.809)	194.087
Thuế nhập khẩu	-	36.308	(36.308)	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.693	99.506	(94.143)	33.056
Thuế khác	283.556	8.101	(6.002)	285.655
<b>Cộng</b>	<b>846.474</b>	<b>1.358.887</b>	<b>(1.511.416)</b>	<b>693.945</b>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	USD	USD
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.978	-
- Đại lý Kim Long	8.978	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	681.076	858.294
+ Chip trôi nổi	306.348	190.919
+ Bảo hành xây dựng	181.994	268.627
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân (*)	27.850	359.599
+ Khác	164.884	39.149
<b>Cộng</b>	<b>690.054</b>	<b>858.294</b>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.154.555	2.645.533
- Đại lý Đại Dương Thành	1.500.000	1.500.000
- Đại lý Long Bay	1.145.533	1.145.533
- Đại lý Kim Long	509.022	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.189	3.165
<b>Cộng</b>	<b>3.157.744</b>	<b>2.648.698</b>

(\*) Thẻ hiện số dư phải trả tiền đền bù cho tài sản của các hộ kinh doanh do Công ty nhận hộ khi bàn giao khu Công viên Hoàng Gia cho UBND tỉnh Quảng Ninh như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN**

	31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	1.950.085	1.950.085	2.698.273	1.963.663	2.684.695	2.684.695
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	1.289.618	1.289.618	1.289.895	1.295.944	1.283.569	1.283.569
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	713.012	713.012	376.696	357.623	732.085	732.085
	<b>3.952.715</b>	<b>3.952.715</b>	<b>4.364.864</b>	<b>3.617.230</b>	<b>4.700.349</b>	<b>4.700.349</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 60 tỷ VND tương đương 2,69 triệu USD (tỷ giá 22.275 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 30 tháng 10 năm 2016. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 19 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND tương đương 1,35 triệu USD (tỷ giá 22.275 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 29 tháng 4 năm 2017. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phần phối điện.

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	2.955.333	2.955.333	21.891	359.147	2.618.077	2.618.077
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	-	-	68.956	13.791	55.165	55.165
	<b>2.955.333</b>	<b>2.955.333</b>	<b>90.847</b>	<b>372.938</b>	<b>2.673.242</b>	<b>2.673.242</b>



(i) Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,63 triệu USD (tỷ giá 22.275 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã rút toàn bộ hạn mức vốn vay với tổng số tiền 170 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2015: 170 tỷ VND).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với số tiền là 1,54 tỷ VND tương đương 68,96 nghìn USD (tỷ giá 22.275 VND/USD), thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất cố định 8,8%/năm trong năm đầu tiên và trần lãi suất huy động vốn tiết kiệm cá nhân có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam + biên 2,8%/năm từ năm thứ 2 trở đi. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng xe ô tô khách 29 chỗ.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>30/6/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Trong vòng một kỳ	732.085	713.012
Trong kỳ thứ hai	732.085	713.012
Từ kỳ thứ ba đến kỳ thứ kỳ	1.941.157	2.139.037
Sau kỳ kỳ	-	103.284
	<b>3.405.327</b>	<b>3.668.345</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 18)	<b>(732.085)</b>	<b>(713.012)</b>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>2.673.242</b>	<b>2.955.333</b>

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>(Lỗ) lũy kế</b>	<b>Tổng</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>	<b>USD</b>	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tại ngày 01/01/2015	42.309.870	5.027.169	649.326	(5.506.984)	42.479.381
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	349.247	349.247
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Tại ngày 30/6/2015	42.309.870	5.027.169	649.326	(5.159.237)	42.827.128
Tại ngày 01/01/2016	42.309.870	5.027.169	649.326	(841.600)	47.144.765
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(948.894)	(948.894)
Tại ngày 30/6/2016	42.309.870	5.027.169	649.326	(1.790.494)	46.195.871

**Số cổ phiếu đang lưu hành**

	30/6/2016	31/12/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Cổ phiếu được duyệt</b>	<b>70.368.754</b>	<b>70.368.754</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.368.754</b>	<b>70.368.754</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn đầu tư và vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2015: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi '000 VND	Vốn đã góp tại ngày					
		30/6/2016		31/12/2015			
		USD	'000 VND	Tỷ lệ	USD	'000 VND	Tỷ lệ
		quy đổi		quy đổi			
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.875.859	47.219.530	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	22.219.546	369.386.320	52%
Các nhà đầu tư khác	287.081.690	17.214.465	287.081.690	41%	17.214.465	287.081.690	41%
<b>Cộng</b>	<b>703.687.540</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100%</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100%</b>

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng
- Khu Công viên Hoàng Gia/Ca múa nhạc dân tộc:  
 Kinh doanh các dịch vụ vui chơi. Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND Tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, nguồn lực của bộ phận Công viên được cơ cấu lại và chuyển sang thành bộ phận Ca múa nhạc dân tộc, toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công viên được bàn giao cho bộ phận mới này.
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long: Cho thuê phòng và dịch vụ liên quan.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:



**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Ca múa nhạc dân tộc	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	11.930.716	7.721.080	16.286.350	30.797.556	(24.491.614)	42.244.088
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	17.755.159
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>						<b>59.999.247</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	12.078.695	1.410.792	769.720	22.322.022	(24.491.614)	12.089.615
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	1.713.761
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>						<b>13.803.376</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Ca múa nhạc dân tộc	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Doanh thu thuần	1.064.438	737.927	1.069.645	2.776.471	-	5.648.481
Giá vốn bộ phận	(2.391.780)	(360.714)	(138.436)	(1.902.865)	-	(4.793.795)
Lợi nhuận gộp	(1.327.342)	377.213	931.209	873.606	-	854.686
Chi phí không phân bổ						(1.369.517)
<b>(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>(514.831)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						93.084
(Lỗ) khác						(31.022)
Chi phí tài chính						(409.204)
<b>(Lỗ) trước thuế</b>						<b>(861.973)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(86.921)
<b>(Lỗ) trong kỳ</b>						<b>(948.894)</b>

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên/Ca múa nhạc dân tộc	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	11.983.785	7.643.726	15.656.545	32.458.197	(25.336.972)	42.405.281
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	17.712.144
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>						<b>60.117.425</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	9.866.723	1.428.989	930.793	24.412.380	(25.336.972)	11.301.913
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	1.670.747
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>						<b>12.972.660</b>

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Doanh thu thuần	1.984.650	1.143.709	1.097.072	2.959.434	-	7.184.865
Giá vốn bộ phận	(1.954.486)	(439.749)	(198.583)	(2.064.949)	-	(4.657.767)
Lợi nhuận gộp	30.164	703.960	898.489	894.485	-	2.527.098
Chi phí không phân bổ						(1.944.136)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>582.962</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						265.964
(Lỗ) khác						(67.036)
Chi phí tài chính						(441.407)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>						<b>340.483</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						8.764
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>						<b>349.247</b>

## 22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	USD	USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	347.740	254.203
Chi phí nhân công	3.321.058	2.890.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.322.610	1.313.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	1.171.904	2.144.081
	<b>6.163.312</b>	<b>6.601.903</b>

## 23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	USD	USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	429	548
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.550	219.301
Doanh thu hoạt động tài chính khác	51.105	46.115
	<b>93.084</b>	<b>265.964</b>

## 24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	USD	USD
Chi phí lãi vay	368.044	414.903
Lỗ chênh lệch tỷ giá	41.160	26.504
	<b>409.204</b>	<b>441.407</b>



25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	USD	USD
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nguyên vật liệu	4.275	4.890
Chi phí nhân công	349.283	314.737
Chi phí dụng cụ sản xuất	44.479	171.386
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.826	25.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.941	59.282
Các chi phí bằng tiền khác	142.527	97.098
	<b>607.331</b>	<b>672.537</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nguyên vật liệu	4.638	5.584
Chi phí nhân công	778.892	785.082
Chi phí dụng cụ sản xuất	28.860	46.738
Chi phí khấu hao TSCĐ	26.387	38.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.262	114.361
Các chi phí bằng tiền khác	229.750	280.903
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(434.603)	-
	<b>762.186</b>	<b>1.271.599</b>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	USD	USD
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(9.912)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	86.921	1.148
<b>Tổng chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>86.921</b>	<b>(8.764)</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ chi tiết như sau:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	USD	USD
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế	(861.973)	340.483
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	480.173	5.739
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	41.557	110.139
<i>Chuyển lỗ</i>	-	444.883
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	(1.300.589)	-
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	86.921	(8.764)

27. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	(948.894)	349.247
(Lỗ)/Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	(948.894)	349.247
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
<b>(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (USD)</b>	<b>(0,013)</b>	<b>0,005</b>

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	30/6/2016	31/12/2015
AUD	-	300
HKD	26.500	13.870
JPY	104.517	30.000
KRW	20.000	610.000
TWD	375.000	45.200
RMP	-	67.853
SGD	-	100
THB	-	6.000
VND	15.011.330.134	3.290.971.442

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

**Cam kết đầu tư**

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà hàng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 giá trị đã đầu tư là 1.182.682 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 3.034.759 USD.



***Cam kết cho thuê hoạt động***

Ngày 26 tháng 01 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng số 20160126 với Diệu Doanh về việc cho thuê thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 02 năm 2026. Tại ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã ký văn bản thỏa thuận với Diệu Doanh, theo đó, thời hạn cho thuê sẽ tính từ thời điểm Công ty bàn giao nhà cho Diệu Doanh, giá trị hợp đồng và các điều khoản khác không thay đổi.

***Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định***

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.005.091 USD (31 tháng 12 năm 2015: 1.135.736 USD).

***Cam kết trả tiền thuê đất***

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ trừ trừ lỗ lũy kế).

***Hệ số đòn bẩy tài chính***

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	USD	USD
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	7.373.591	6.908.048
Trừ: Tiền	2.737.873	1.745.303
Nợ thuần	4.635.718	5.162.745
Vốn chủ sở hữu	46.195.871	47.144.765
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>10%</b>	<b>11%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	31/12/2015
	USD	USD
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	2.737.873	1.745.303
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.112.192	10.890.771
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	419.411	419.411
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.269.476</b>	<b>13.055.485</b>
<b>Công nợ thuê tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	7.373.591	6.908.048
Phải trả người bán và phải trả khác	4.298.084	4.437.013
Chi phí phải trả	17.110	19.688
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.688.785</b>	<b>11.364.749</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh từ rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2016	31/12/2015	30/6/2016	31/12/2015
	USD	USD	USD	USD
Đồng Việt Nam (VND)	9.585.395	11.089.542	8.079.841	8.242.161

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

AG  
★  
HNH

1250  
NG  
NHIỆM  
LOI  
ỆT N  
ĐA - T



Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty được xác định trong trường hợp tỷ giá đồng Đô la Mỹ thay đổi 10% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ giảm 10% thì lỗ trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng 150.555 USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2015: lợi nhuận trước thuế giảm 227.315 USD).

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

	<u>Tăng/(giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế USD</u>
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016		
USD	+200	(147.472)
USD	-200	147.472
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
USD	+200	(137.482)
USD	-200	137.482

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia như trình bày tại Thuyết minh số 4.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



10 /  
 TY  
 QU  
 IT  
 AN  
 (P)



30/6/2016	Dưới 1 kỳ	Trên 1 kỳ	Tổng
	USD	USD	USD
Tiền	2.737.873	-	2.737.873
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.112.192	-	10.112.192
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	419.411	419.411
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.850.065</b>	<b>419.411</b>	<b>13.269.476</b>

30/6/2016	Dưới 1 kỳ	Trên 1 kỳ	Tổng
	USD	USD	USD
Phải trả người bán và phải trả khác	1.140.340	3.157.744	4.298.084
Chi phí phải trả	17.110	-	17.110
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	4.700.349	2.673.242	7.373.591
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.857.799</b>	<b>5.830.986</b>	<b>11.688.785</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>6.992.266</b>	<b>(5.411.575)</b>	<b>1.580.691</b>
-------------------------------------	------------------	--------------------	------------------

31/12/2015	Dưới 1 kỳ	Trên 1 kỳ	Tổng
	USD	USD	USD
Tiền	1.745.303	-	1.745.303
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.890.771	-	10.890.771
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	419.411	419.411
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.636.074</b>	<b>419.411</b>	<b>13.055.485</b>

31/12/2015	Dưới 1 kỳ	Trên 1 kỳ	Tổng
	USD	USD	USD
Phải trả người bán và phải trả khác	1.788.315	2.648.698	4.437.013
Chi phí phải trả	19.688	-	19.688
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	3.952.715	2.955.333	6.908.048
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.760.718</b>	<b>5.604.031</b>	<b>11.364.749</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>6.875.356</b>	<b>(5.184.620)</b>	<b>1.690.736</b>
-------------------------------------	------------------	--------------------	------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Ban Giám đốc tin tưởng rằng báo cáo tài chính cần được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Công ty vẫn nhận được cam kết tiếp tục giải ngân từ các ngân hàng thương mại.

### 31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	Công ty mẹ
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên Hội đồng Quản trị

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	USD	USD
Cung cấp dịch vụ ăn nghỉ cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	1.650	2.357



Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

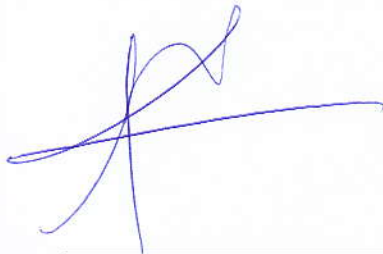
	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	USD	USD
Thu nhập của Ban Giám đốc	40.072	38.019

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	USD	USD
Các khoản phải trả khác		
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	8.779	10.429

**32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 481.552 USD (kỳ 6 tháng năm 2015: 1.171.382 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 699.194 USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2015: 540.787 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.



Cao Thị Huyền  
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Linh Chi  
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Vy  
Tổng Giám đốc